

**DỰ THẢO QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN
KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO**

CHƯƠNG I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vinafco quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động, giám sát của Ban kiểm soát và mối quan hệ giữa thành viên Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhằm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ của Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

1.2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống VFC (bao gồm: VFC và các chi nhánh, các Công ty con/công ty trực thuộc VFC (nếu có).

ĐIỀU 2: Giải thích từ ngữ và viết tắt

2.1. “VFC” hoặc “Công ty”: Công ty Cổ phần Vinafco

2.2. “HDQT”: Hội đồng quản trị của VFC

2.3. “BKS”: Ban kiểm soát của VFC

2.4. “Điều lệ”: Điều lệ của VFC

2.5. Các từ hoặc thuật ngữ khác được sử dụng mà không được giải thích tại Quy chế này sẽ có nghĩa như được quy định trong Điều lệ.

ĐIỀU 3: Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát

3.1. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của hệ thống VFC tại thời điểm báo cáo.

3.2. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3.3. Ban Kiểm soát của Công ty có số thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty trở lên do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

3.4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3.5. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

3.6. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật, Điều lệ Công

ty thì trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Công ty phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

4.1. Thẩm quyền của Ban Kiểm soát:

- (a) Thực hiện giám sát HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- (b) Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát. Định kỳ hằng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát.
- (c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- (d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT/Chủ tịch HĐQT và trình báo cáo thẩm định lên ĐHĐCĐ Công ty tại cuộc họp thường niên.
- (e) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- (f) Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ Công ty các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- (g) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ Công ty hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 36 của Điều lệ.
- (h) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 36 của Điều lệ, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- (i) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm đồng thời có giải pháp khắc phục hậu quả.
- (j) Khi phát hiện thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải

trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCKNN trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.

- (k) Xây dựng quy trình kiểm soát để ĐHĐCĐ thông qua; và
- (l) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và ĐHĐCĐ Công ty.

4.2. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- (a) Sử dụng tư vấn độc lập, Ban kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- (b) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty;
- (c) Có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ Công ty;
- (d) Được cung cấp thông tin đầy đủ:
 - (i) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;
 - (ii) Các nghị quyết và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT phải gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên HĐQT;
 - (iii) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;
 - (iv) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc; và
 - (v) HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.
- (e) Được nhận tiền lương hoặc thù lao và hưởng các lợi ích khác như sau:
 - (i) Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ Công ty. ĐHĐCĐ Công ty quyết định tổng mức tiền lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;
 - (ii) Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác; và

- (iii) Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
- 4.3.** Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:
- (a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - (b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
 - (c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác; và
 - (d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
- 4.4.** Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 4.3, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả Công ty.
- 4.5.** Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu Kiểm soát viên có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 4.6.** Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ.

CHƯƠNG III

TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 5: Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên Ban Kiểm soát

- 5.1.** Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 5.2.** Không được giữ các chức vụ quản lý công ty;
- 5.3.** Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- 5.4.** Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác;
- 5.5.** Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng.
- 5.6.** Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ.

ĐIỀU 6: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- 6.1.** Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và Điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này;
 - (b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; hoặc
 - (c) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
 - (d) Theo quyết định của ĐHĐCĐ; hoặc
 - (e) Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.
- 6.2.** Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau.
- (a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - (b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - (c) Theo quyết định của ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ LẤY Ý KIẾN BẢNG VĂN BẢN

ĐIỀU 7: Quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát

- 7.1.** Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu hai (2) lần.
- 7.2.** Ban kiểm soát họp định kỳ và có thể được triệu tập bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
- 7.3.** Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
- (a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - (b) Từ hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
 - (c) Trưởng ban kiểm soát;
 - (d) Từ hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên;
 - (e) Tổng giám đốc;
 - (f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 7.4.** Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp có quyền triệu tập Ban Kiểm soát, các thành viên dự họp bỏ phiếu kín bầu chủ tọa cuộc họp.

ĐIỀU 8: Thông báo và chuẩn bị nội dung họp Ban Kiểm soát

- 8.1.** Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người triệu tập họp Ban Kiểm soát phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp được xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (đối với thành viên không tham dự họp và có văn bản ủy quyền).

- 8.2.** Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến địa chỉ của từng thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại VFC.
- 8.3.** Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý, các chuyên viên khác có quyền dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

ĐIỀU 9: Quy định về điều kiện tiến hành cuộc họp và biên bản họp của Ban kiểm soát

- 9.1.** Cuộc họp đầu tiên: Trường hợp Ban Kiểm soát bầu Trưởng Ban thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban và ra các quyết định khác được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban Kiểm soát nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số cử một người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.
- 9.2.** Cuộc họp Ban kiểm soát được coi là hợp lệ khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự họp. Trường hợp không trực tiếp tham dự họp, Thành viên Ban kiểm soát có thể ủy quyền biểu quyết cho một thành viên khác dự họp hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản.
- 9.3.** Cuộc họp Ban kiểm soát phải được lập thành biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát phải được lập bằng Tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát chậm nhất sau bảy (07) ngày kể từ ngày họp Ban kiểm soát.
- 9.4.** Biên bản họp Ban Kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 10: Quyết định thông qua tại cuộc họp của Ban kiểm soát

Các quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận (bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa.

ĐIỀU 11: Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Ban kiểm soát

- 11.1.** Trưởng Ban kiểm soát quyết định việc lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát bằng văn bản.
- 11.2.** Việc lấy ý kiến các thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản có thể thông qua hình thức gửi email đến địa chỉ email của từng thành viên song song với gửi bản cứng bằng phương thức bảo đảm. Căn cứ ý kiến của thành viên gửi qua email có giá trị để Trưởng Ban Kiểm soát ra quyết định/ngợi quyết. Ý kiến trả lời qua email có giá trị tương đương với ý kiến được ký bằng văn bản.
- 11.3.** Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 11.4.** Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

ĐIỀU 12: Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

- 12.1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày/...../..... và có hiệu lực kể từ thời điểm được thông qua.
- 12.2. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và quy định khác của Công ty. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung nào của Quy chế này trái với quy định của pháp luật và Điều lệ thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực thi hành.
- 12.3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do Ban kiểm soát quyết định sau khi được Đại hội đồng cổ đông phân công/chấp thuận.
- 12.4. Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

VŨ ĐỨC LỢI